

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024-2025**  
**LỚP MGG 3,4,5 TUỔI**

**I. Mục tiêu**

ST T	Đ. tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Chủ đề thực hiện	Điều chỉnh bổ sung
			Chung	Riêng		
<b>I. Lĩnh vực phát triển thể chất</b>						
<b>1. Phát triển vận động</b>						
<i>a) Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.</i>						
1	3	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	<p>* 3,4,5T: Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Hai tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên.</p> <p>* 3,4 T: - Co và duỗi tay. - Cúi về phía trước. - Quay sang trái, sang phải - Nghiêng người sang trái, sang phải. - Ngồi xổm, đứng lên; - Bật tại chỗ</p>	<p>- Tay: + Bắt chéo 2 tay trước ngực. + Hai cánh tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao + Hai tay đưa sang ngang, lên cao + Hai cánh tay chéo nhau về phía trước và ra sau + Tùng tay đưa lên cao, hai tay dang ngang</p> <p><b>- Lưng, bụng, lườn:</b> + Đứng cúi về trước, ngả người ra sau + Đứng nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay đưa cao hoặc đặt sau gáy</p> <p>- Chân: + Bước lên phía trước, sang ngang. + Co duỗi chân. + Đứng khuyu gối + Bật tách, chụm</p>	1->9	

				<p>chân tại chỗ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Từng chân đưa lên trước, ra sau, sang ngang</li> <li>+ Đứng nâng cao chân, gập gối</li> <li>+ Bật lên trước, lùi lại, sang bên</li> </ul>		
2	4	<p>Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh</p>		<p>- Tay:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kết hợp với nắm, mở bàn tay).</li> <li>+ Vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau, trên đầu).</li> <li>+ Đưa ra trước, gập khuỷu tay</li> <li>+ Đưa hai tay ra trước, về phía sau</li> <li>+ Đánh xoay tròn hai vai</li> </ul> <p><b>- Lưng, bụng, lườn:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Ngửa người ra sau.</li> <li>+ Ngồi, cúi về trước, ngửa ra sau</li> <li>+ Ngồi quay người sang hai bên</li> </ul> <p>- Chân:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhún chân.</li> <li>- Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.</li> <li>+ Đứng, một chân đưa lên trước, khuyu gối</li> <li>+ Đứng, nhún chân, khuyu gối</li> <li>+ Ngồi nâng hai chân duỗi thẳng</li> <li>+ Bật lên trước, ra sau, sang bên</li> </ul>		

3	5	<p>Trẻ thực hiện đúng, đủ, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp</p>		<p>- Tay:  + Kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân).  + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.  + Đưa tay ra phía trước, sau.  + Đưa tay ra trước, sang ngang<sup>1</sup>.  + Đánh xoay tròn hai cánh tay.  +Đánh chéo 2 tay ra phía trước, sau.  + Luân phiên từng tay đưa lên cao.  <b>- Lưng, bụng, lườn:</b>  + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.  + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.  + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.  + Đứng cúi về trước<sup>1</sup>.  + Đứng quay người sang bên.</p>		
---	---	---	--	--	--	--

				<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nghiêng người sang bên.</li> <li>+ Cúi về trước, ngửa ra sau.</li> <li>+ Quay người sang bên</li> <li>- Chân :</li> <li>+ Chân đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.</li> <li>- Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.</li> <li>Khụy gối.</li> <li>+Bật, đưa chân sang ngang.</li> <li>+ Đưa chân ra các phía.</li> <li>+Nâng cao chân, gập gối.</li> <li>+ Bật về các phía..</li> </ul>		
<i>b) Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tổ chất trong vận động</i>						
<b>4</b>	<b>3</b>	<p>Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m).</li> <li>- Đi kiễng gót liên tục 3m.</li> </ul>	<p>* 4,5 T:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi khụyu gối<sup>2</sup></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi kiễng gót<sup>1,2,8</sup></li> <li>- Đi trong đường hẹp<sup>3,7</sup></li> </ul>	<p>1,2,3 7,8,9</p>	
<b>5</b>	<b>4</b>	<p>Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi bằng gót chân<sup>1</sup></li> <li>- Đi lùi<sup>8</sup></li> <li>- Đi trên ghế thể dục.<sup>7</sup></li> <li>- Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn<sup>3</sup></li> </ul>		

		- Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.				
6	5	<p>Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m.</li> <li>- Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục.</li> <li>- Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi bằng mép ngoài bàn chân <sup>1</sup></li> <li>- Đi trên dây <sup>3</sup></li> <li>- Đi trên ván kê dốc <sup>7</sup></li> <li>- Đi nổi bàn chân tiến, lùi <sup>8</sup></li> <li>- Đi trên ghế thể dục đầu đội túi cát <sup>9</sup></li> <li>- Đứng 1 chân<sup>8</sup></li> <li>.</li> </ul>		
7	3	<p>Trẻ kiểm soát được vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh.</li> <li>- Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài.</li> </ul>	<p>* 3,4,5T:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh <sup>4</sup></li> <li>- Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh<sup>6</sup></li> <li>- Chạy thay đổi hướng theo hiệu lệnh<sup>7</sup></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chạy thay đổi hướng theo đường đích dắc<sup>7</sup></li> <li>- Đi đổi hướng theo đường đích dắc<sup>9</sup></li> </ul>	4,6,7,9	
8	4	<p>Trẻ kiểm soát được vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc).</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chạy đổi hướng theo vật chuẩn <sup>7</sup></li> <li>- Đi đổi hướng đích dắc theo vật chuẩn<sup>9</sup></li> </ul>		
9	5	<p>Trẻ kiểm soát được vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi/chạy thay đổi hướng vận</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chạy thay đổi hướng theo hiệu lệnh<sup>7</sup></li> <li>- Đi đổi hướng</li> </ul>		

		động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).		theo hiệu lệnh <sup>9</sup>		
<b>10</b>	<b>3</b>	Trẻ biết phối hợp tay-mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm).	*3,4,5 tuổi - Ném trúng đích bằng 1 tay <sup>4</sup> (Đích đứng) * 4,5 T: - Ném trúng đích bằng 1 tay (Đích đứng) <sup>9</sup> - Tung bóng lên cao và bắt bóng <sup>1,6</sup> * 4,5T - Đập và bắt bóng tại chỗ <sup>7,9</sup>	- Lăn bóng với cô <sup>6</sup> - Đập bắt bóng <sup>7,9</sup> - Tung bóng với cô <sup>1,9</sup>		
<b>11</b>	<b>4</b>	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.		- Tung bắt bóng với người đối diện <sup>9</sup>	1,4, 6,8,9	
<b>12</b>	<b>5</b>	Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện ( khoảng cách 4 m). - Ném trúng		- Đi và đập bắt bóng <sup>9</sup> - Ném trúng đích bằng 2 tay <sup>9</sup> - Tung bóng bắt bóng tại chỗ <sup>6</sup>  - Ném bắt bóng bằng 2 tay từ		

		đích đứng (xa 2 m x cao 1,5m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp.		khoảng cách 4m <sup>9</sup>		
13	3	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5m). - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4m) không chệch ra ngoài.	* 3,4 T: - Trườn theo hướng thẳng <sup>8</sup> - Ném trúng đích bằng 1 tay (Đích ngang) <sup>6</sup> - Bò chui qua cổng <sup>3</sup> * 4,5 T: - Ném xa bằng 2 tay <sup>5</sup> - Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân <sup>7</sup> * 3,4,5 T: - Ném xa bằng 1 tay <sup>3,5</sup>	- Chạy 15m theo hướng thẳng <sup>5,9</sup> - Bò theo hướng thẳng <sup>1,5</sup> - Bò theo đường đích dắc <sup>4</sup> - Trườn về phía trước <sup>2</sup> - Bước lên, xuống bục cao 30cm <sup>6</sup> - Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc <sup>7</sup> - Bật tại chỗ <sup>6</sup> - Bật về phía trước <sup>1,4,7</sup> - Bật xa 20 - 25cm <sup>3,5,8</sup>		
14	4	Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.		- Chạy 15 m trong khoảng 10 giây <sup>7</sup> - Chạy chậm 60 - 80 m <sup>5</sup> - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m <sup>1,5</sup> - Trườn theo hướng thẳng <sup>8</sup> - Bò đích dắc qua 5 điểm <sup>4</sup> - Bò chui qua ống dài 1,2 x 0,6 m <sup>3</sup> - Trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm <sup>2</sup> - Trèo lên, xuống 5 giống thang <sup>6</sup> - Ném trúng đích bằng 2 tay (Ngang) <sup>6</sup>	1->9	

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bật liên tục về phía trước <sup>1</sup></li> <li>- Bật xa 35- 40 cm<sup>3,8</sup></li> <li>- Bật nhảy từ trên cao xuống 30-35 cm <sup>6</sup></li> <li>- Bật tách chân, khép chân qua 5 ô<sup>4</sup></li> <li>- Bật qua vật cản cao 10 - 15 cm<sup>5</sup></li> <li>- Nhảy lò cò 3m<sup>7</sup></li> </ul>		
15	5	<p>Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây.</li> <li>- Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m).</li> <li>- Bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chạy 18m trong khoảng 10 giây<sup>7</sup></li> <li>- Chạy chậm khoảng 100-120m<sup>5</sup></li> <li>- Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5m <sup>1,5</sup></li> <li>- Bò đích dắc qua 7 điểm <sup>4</sup></li> <li>- Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m <sup>3</sup></li> <li>- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm<sup>2,8</sup></li> <li>- Trèo lên xuống 7 gióng thang<sup>6</sup></li> <li>- Bật liên tục vào vòng<sup>1</sup></li> <li>- Bật xa 40-50cm <sup>3</sup></li> <li>- Bật nhảy từ trên cao xuống 40-45cm<sup>6</sup></li> <li>- Bật tách chân, khép chân qua 7 ô<sup>4</sup></li> <li>- Bật qua vật cản 15 – 20 cm<sup>5</sup></li> <li>- Nhảy lò cò 5m<sup>7</sup></li> </ul>		
<p><i>c) Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt và sử dụng 1 số đồ dùng, dụng cụ.</i></p>						
16	3	<p>Trẻ thực hiện được các vận động:</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.</li> <li>- Đan, tết.</li> </ul>	1,2,4,5,7,9		



		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xoay tròn cổ tay.</li> <li>- Gập, đan ngón tay vào nhau</li> </ul>			
17	4	<p>Trẻ biết thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cuộn - xoay tròn cổ tay.</li> <li>- Gập, mở, các ngón tay.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuột, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi....</li> <li>- Gập giấy.</li> <li>- <i>Đan nong một, tết</i></li> </ul>		
18	5	<p>Trẻ biết thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay.</li> <li>- Gập, mở lần lượt từng ngón tay.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.</li> <li>- Bẻ nắn.</li> </ul>		
19	3	<p>Trẻ phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ được hình tròn theo mẫu.</li> <li>- Cắt thẳng được một đoạn 10cm.</li> <li>- Xếp chồng 8-10 khối không đổ.</li> <li>- Tự cài, cởi cúc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>* 3,4,5T:</li> <li>- Cài, cởi cúc</li> <li>- Xé, tô</li> <li>* 4,5 T</li> <li>- Xâu, buộc dây</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xếp chồng các hình khối khác nhau</li> <li>- Xé dán giấy.</li> <li>- Sử dụng kéo, bút.</li> <li>- Tô vẽ nguệch ngoạc.</li> </ul>	1->9
20	4	<p>Trẻ biết cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ hình người, nhà, cây.</li> <li>- Cắt thành thạo</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp ghép hình</li> <li>- Cắt đường thẳng.</li> <li>- Vẽ hình.</li> </ul>	

		<p>theo đường thẳng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối.-` Biết tết sợi đôi.</li> <li>- Tụ cài, cời cúc, buộc dây giày.</li> </ul>			
21	5	<p>Trẻ biết cử động bàn tay, ngón tay, biết phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.</li> <li>- Cắt được theo đường viền của hình vẽ.</li> <li>- Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu.</li> <li>- Tụ cài, cời cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (Phéc mơ tuya)</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lắp ráp.</li> <li>- Cắt đường vòng cung.</li> <li>- Đồ theo nét</li> <li>- Kéo khóa (Phéc mơ tuya), luồn</li> </ul>	

## **2. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe**

*a) Trẻ biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe*

22	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ nói được tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc.</li> </ul>	1,2,5,6	
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số món ăn quen thuộc.</li> </ul>		

		trứng rán, cá kho, canh rau...			
23	4	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng)		
24	5	Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm: một số món ăn quen thuộc của địa phương: Cơm nếp, xôi, cá nướng, rau sắn....).		
25	4	Trẻ nói được tên một số món ăn	- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.		
26	5	hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống: Luộc, xào, rán... tại trường lớp và gia đình trẻ.		
27	3	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày (Bữa sáng, bữa trưa, bữa tối) và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	2,5,6	
28	4	Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức			

		ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.			
29	5	Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.			
<i>b. Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.</i>					
30	3	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo....	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm quen với cách đánh răng, lau mặt.</li> <li>- Tập rửa tay bằng xà phòng.</li> <li>- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.</li> </ul>		
		Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.			
31	4	Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định. ( Đi xong dội nước cho sạch)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập đánh răng, lau mặt.</li> <li>- Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng.</li> </ul>	2,3,4
		Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức			

		ăn.			
32	5	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản: - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch - Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn		- Tập luyện kỹ năng: rửa tay bằng xà phòng. - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt. - Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	
		Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo			
<i>c. Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe</i>					
33	3	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.		
34	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.		1,2,5	
35	5	Trẻ có một số hành vi và thói			

		<p>quen trong ăn uống:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.</li> <li>- Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.</li> <li>- Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.</li> <li>- Không uống nước lã, ăn quà vật ngoài đường</li> </ul>			
36	3	<p>Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</li> <li>- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.</li> </ul>	<p>- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết trang phục theo thời tiết.</li> <li>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.</li> </ul>	2,4,8,9
37	4	<p>Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.</li> <li>- Biết nói với người lớn khi bị</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết.</li> <li>- Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.</li> <li>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.</li> </ul>	

		<p>đau, chảy máu hoặc sốt...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</li> <li>- Bỏ rác đúng nơi quy định.</li> </ul>				
38	5	<p>Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.</li> <li>- Ra nắng đội mũ: Đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.</li> <li>- Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...</li> <li>- Che miệng khi ho, hắt hơi.</li> <li>- Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</li> <li>- Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết (Mặc quần áo ấm vào mùa đông thoáng mát vào mùa hè)</li> <li>- Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.</li> <li>- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.</li> </ul>		
<i>d) Trẻ biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.</i>						
39	3	<p>Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) nguồn lửa, nguồn điện khi</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng:</li> <li>+ Nhận biết được về nguồn lửa (bếp ga, bếp củi, bật lửa...) nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ (điện thoại, ti vi...)</li> <li>+ Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị</li> </ul>		2,7,8	

		được nhắc nhở	học sặc....		
40	4	Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng, nguồn lửa điện...là nguy hiểm không đến gần, biết không nên nghịch các vật sắc nhọn: Dao, kéo...	+ Không tự ý uống thuốc khi chưa có sự cho phép của người lớn. + Không ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khoẻ.		
41	5	Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng, nguồn lửa điện... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn: Dao, kéo, cuốc, xẻng...			
42	3	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (Hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn đến tính mạng như: Sông suối ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...		Bỏ 9
43	4	Trẻ nhận ra những nơi như: Hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.		2,8,9	
44	5	Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi			



		rậm...là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.			
45	3	<p>Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...</li> <li>- Không tự lấy thuốc uống.</li> <li>- Không leo trèo bàn ghế, lan can.</li> <li>- Không nghịch các vật sắc nhọn.</li> <li>- Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.</li> </ul>	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng: Cười đùa trong khi ăn, ăn các loại quả có hạt, tự ý uống thuốc, ăn thức ăn có mùi hôi, ăn các loại quả lạ...	1,3,6,7,9	Bỏ 9
46	4	<p>Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...</li> <li>- Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không</li> </ul>		1,3,6,7,9	Bỏ 9

		<p>được phép của người lớn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.</li> </ul>			
47	5	<p>Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc...</li> <li>- Biết không tự ý uống thuốc.</li> <li>- Biết: ăn thức ăn có mùi hôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.</li> </ul>		1,3,6 6,7,9	
48	4	<p>Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.</li> <li>- Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. nói được</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ:</li> <li>+ Gọi người lớn khi cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ...</li> <li>+ Không đi theo nhận quà của người lạ khi chưa được sự cho phép của người thân.</li> <li>+ Kêu cứu khi người lạ sờ vào người, hay bị bắt cóc, dọa nạt.</li> <li>+ Không ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.</li> <li>+ Nói được địa chỉ nơi ở, số điện thoại bố, mẹ, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.</li> </ul>	5,7	

		tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	+ Các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy.		
49	5	<p>Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu...</li> <li>- Biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy</li> <li>- Biết tránh một số trường hợp không an toàn.: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.</li> <li>+ Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo</li> </ul> </li> <li>- Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết</li> </ul>			

		hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.			
		<p>Trẻ thực hiện đúng một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.</li> <li>- Đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.</li> <li>- Không leo trèo cây, ban công, tường rào...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:</li> <li>+ Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.</li> <li>+ Đi qua đường phải có người lớn dắt, khi tham gia giao thông phải đội mũ bảo hiểm</li> <li>+ Không được trèo tường rào, leo trèo cây</li> </ul>	1,7	
		Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng	- Tập luyện kỹ năng: Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng	2	
50	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được các dạng thiên tai thường xảy ra nơi trẻ sinh sống.</li> <li>- Biết được mình phải nghe người lớn và làm theo những gì người lớn hướng dẫn.</li> <li>- Biết 1 số việc cần phải làm để tự đảm bảo sự an toàn cho bản thân như: né tránh nguy hiểm, thoát hiểm, biết chỗ trú ẩn nơi an toàn, biết cách</li> </ul>	- Kỹ năng ứng phó phù hợp với trước, trong và sau thiên tai có ở địa phương ( <i>Giông sét; mưa đá, động đất, gió lốc</i> )	6,8	

		cầu cứu, làm theo sự chỉ dẫn của người lớn, nhớ tên bố mẹ, số điện thoại cần thiết.			
51	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được các dạng thiên tai thường xảy ra nơi trẻ sinh sống.</li> <li>- Biết được mình phải nghe người lớn và làm theo những gì người lớn hướng dẫn.</li> <li>- Biết 1 số việc cần phải làm để tự đảm bảo sự an toàn cho bản thân như: né tránh nguy hiểm, thoát hiểm, biết chỗ trú ẩn nơi an toàn, biết cách cầu cứu, làm theo sự chỉ dẫn của người lớn.</li> </ul>	- Giông sét; mưa đá, động đất, gió lốc.	6,8	
52	5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết được các dạng thiên tai thường xảy ra nơi trẻ sinh sống.</li> <li>- Biết được mình phải nghe người lớn và làm theo những gì người lớn hướng dẫn.</li> <li>- Biết 1 số việc cần phải làm để</li> </ul>		6,8	

		tự đảm bảo sự an toàn cho bản thân: né tránh nguy hiểm, thoát hiểm, biết chỗ trú ẩn nơi an toàn, biết cách cầu cứu, làm theo sự chỉ dẫn của người lớn.				
<b>II. Lĩnh vực phát triển nhận thức</b>						
<b>1. Khám phá khoa học</b>						
<i>a) Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật hiện tượng</i>						
53	3	Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	*3,4,5 tuổi - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi *4,5 tuổi: - Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đđdc quen thuộc.	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi. - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - Một số dấu hiệu	1,5,6,7,8	
		Trẻ biết sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn		1,2,5,6,7,8	
		Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.			5,8	

		<p>Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.</p>	<p>giản giữa con vật, cây cối với môi trường sống.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách chăm sóc, bảo vệ cây.</li> <li>- Các nguồn nước trong môi trường : Nước giếng, nước máy, nước khe, nước sông, nước suối</li> <li>- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây</li> </ul>	<p>nổi bật của ngày và đêm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày như nước ao, hồ, mương, suối..</li> <li>- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.</li> <li>- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày gần gũi với trẻ (Bóng điện, ánh mặt trời).</li> </ul>	3,5	
54		<p>Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số đặc điểm tính chất của nước.</li> <li>- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước</li> <li>- Không khí,</li> </ul>		1,3,5,6,7	
55	4	<p>Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướn?... Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật,</p>	<p>các nguồn ánh sáng và sự cảm thiết của nó đối với đời sống con người, con vật và cây.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- So sánh sự giống nhau và khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi.</li> <li>- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông.</li> <li>- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.</li> <li>- So sánh sự khác</li> </ul>	1,5,6,7,8	
					1,2,5,6,7,8	

		<p>hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.</p> <p>Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.</p> <p>Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.</p>		<p>nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa quả.</p> <p>- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.</p> <p>- Sự khác nhau giữa ngày và đêm</p> <p>- Dự đoán về HTTN như: Trời sắp mưa, nắng</p>		
					5,8	
					3,5	
56		Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu		<p>- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu.</p> <p>- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.</p> <p>- Phân loại phương tiện giao thông theo 1-2 dấu hiệu.</p>	1,3,5,6,7	
57	5	Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?... Động đất, mưa đá, giông bão, sấm sét...			1,5,6,7,8	



		Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao.</li> <li>- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả.</li> <li>- Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.</li> <li>- So sánh sự khác và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.</li> <li>- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.</li> <li>- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.</li> </ul>	1,2,5, 6,7,8	
		Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.			5,8	
		Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	- Sự khác nhau giữa mặt trời, mặt trăng.		3,5	
<b>58</b>		Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.</li> <li>- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu.</li> <li>- Phân loại một số phương tiện giao thông theo 2 - 3 dấu hiệu.</li> </ul>	1,3,5, 6,7		
<i>b) Trẻ nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.</i>						
<b>59</b>	<b>3</b>	Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống	5,6,8		

		đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	của chúng.		
60	4	Trẻ biết phân xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người ở Điện Biên (mưa đá, động đất, lở, hạn hán...).</li> <li>- Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản</li> </ul>	5,6,8	
		Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.			
61	5	Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.</li> <li>- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.</li> </ul>	5,6,8	
		Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	- Giải quyết các vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. (	7	
		<i>Trẻ dự đoán được 1 số HTTN đơn giản sắp xảy ra (BC)</i>	<i>- Dự đoán về HTTN như: Trời sắp mưa, nắng...</i>	8	
<i>c) Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau.</i>					
62	3	- Trẻ biết mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	7	

		sự gợi mở của cô giáo.			
		Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	1,3,4,5,6,7	
63	4	Trẻ nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi	1,3,5,6,7	
64		Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình ...	- Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục của hoạt động vui chơi, âm nhạc, tạo hình...	3,4,5	
65	5	Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả, PTGT - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.	1,3,5,6,7	
66		Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	3,4,5	
<b>2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán</b>					
<i>a) Trẻ nhận biết số đếm, số lượng</i>					
67	3	Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - 1 và nhiều. - Xếp tương ứng 1 - 1, ghép đôi.	1,3,4,5,9	
		Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm			

		đến 5			
		Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.			
68	4	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.</li> <li>- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.</li> </ul>	1,3,4,5,9	
		Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.			
		Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.			
		Trẻ biết sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự			
69	5	Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.</li> <li>- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.</li> </ul>		
		Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.			
		Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10			

		bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.			
		Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.			
70	3	Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.</li> <li>- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.</li> </ul>		
		Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.			
71	4	Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.		1,3,4,5,9	
		Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.			
72	5	Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.</li> </ul>		
		Trẻ biết tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.			
73	4	Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (Số nhà, biển số xe...)</li> </ul>	3,7,9	

		hàng ngày.				
74	5	Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày:				
<i>b) Trẻ biết sắp xếp theo quy tắc</i>						
75	3	Trẻ có thể nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại	Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi	- Xếp xen kẽ.		
76	4	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	* 4,5 tuổi: - So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	So sánh 2 đối tượng về kích thước	5	
77	5	Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.		- Tạo ra quy tắc sắp xếp. - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan		
		Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.				
		Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp				
<i>c) Trẻ biết so sánh hai đối tượng</i>						
78	3	Trẻ biết so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước.		6,8	
79	4	Trẻ biết sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo.		6,8	
80	5	Trẻ biết sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và			

		diễn đạt kết quả đo.				
<i>d) Trẻ biết nhận biết hình dạng</i>						
81	3	Trẻ nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.</li> <li>- Sử dụng các hình hình học để chấp ghép.</li> </ul>		7	
82	4	Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chấp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật .</li> </ul>		
		Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản				
83	5	Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.</li> <li>- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối đó trong thực tế.</li> </ul>			
<i>e) Trẻ nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.</i>						
84	3	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian và bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.</li> </ul>		2	
85	4	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái).</li> </ul>			
86	5	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước-phía sau; phía trên-phía dưới; phía phải-phía trái) so với bản thân</li> </ul>			

		của đồ vật làm chuẩn.	trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.		
87	4	Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.	8	
88	5	Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Gọi tên các thứ trong tuần; các mùa trong năm - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.		
<b>3. Khám phá xã hội</b>					
<i>a) Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng</i>					
89	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân.	2	
		Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình ( <i>cách gọi theo tiếng dân tộc Thái</i> )	3	
		Trẻ nói được địa chỉ của gia đình (thôn, đội) khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Địa chỉ gia đình. ( <i>bản, xã</i> ).	3	
		Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	1	
90	4	Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.	2	
		Trẻ biết nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong GD khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về GD	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. - Địa chỉ gia đình. Một số nhu cầu của gia đình (gia đình dân tộc Thái, 1 số trang phục người dân tộc Thái, Tày...)	3	



		Trẻ nói được địa chỉ của GD mình (thôn, đội) khi được hỏi, trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên, địa chỉ của trường lớp. Điểm trường</li> <li>- Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.</li> </ul>	3	
		Trẻ biết nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.		1	
		Trẻ biết nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường trong khi được hỏi, trò chuyện.		1	
91	5	Trẻ biết nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	-Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	2,3	
		Trẻ biết nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về GD	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ, sở thích của các thành viên trong gia đình. Qui mô gia đình( gia đình nhỏ, gia đình lớn) . Nhu cầu gia đình, địa chỉ gia đình. - Địa chỉ gia đình mình (Thôn, đội bản), số điện thoại (nếu có). (Gia đình người Thái, Mông, đồ dùng đặc trưng trong gia đình của dân tộc thái, Mông...).	3	
		Trẻ nói được địa chỉ GD mình (Thôn, đội bản), số điện thoại (nếu có)..khi được hỏi, trò chuyện.		3	
		Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện..	-Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non. -Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. -Tên, đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	1	
		Trẻ biết nói tên, công việc của cô giáo và các bác công		1	

		nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.			
		Trẻ biết nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện		1	
<i>b) Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương</i>					
92	3	Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng...khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.		
93	4	Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương: Nghề đan mây tre, nghề dệt thổ cẩm, nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới..."	4	
94	5	Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề: ví dụ: nói "nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới..."			
<i>c) Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh</i>					
95	3	Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Tết Trung thu; ngày 20/10; Tết Nguyên Đán; Ngày 8/3; ngày 20/11; Lễ hội hoa Ban ... ngày khai giảng, tết trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu, ngày hội của cô giáo 20/11... Ngày lễ hội của Điện Biên (Lễ hội hoa ban, ngày 7/5...)	1,3,4,5,9	
96		Trẻ biết kể tên một vài danh lam,		9	

		thắng cảnh ở địa phương.				
97	4	Trẻ biết kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội. Tết Trung thu; ngày 20/10; Tết Nguyên Đán; Ngày 8/3; ngày 20/11; Lễ hội hoa Ban ...	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của địa phương: Ngày giải phóng Điện Biên 7/5, lễ hội hoa ban, di tích đồi A1, bảo tàng chiến thắng ĐBP, Đền Hoàng Công Chất, bia tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ tại trung tâm xã Mường Pôn, bia tưởng niệm liệt sĩ Bé Văn Đàn...)	1,3,4,5,9		
98		Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.		9		
99	5	Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ: - Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên - Ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường, tết trung thu, tết nguyên đán, lễ hội Hoa Ban.		1,3,4,5,9		
100		Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước	9			
<b>III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ</b>						
<b>1. Nghe hiểu lời nói</b>						
101	3	Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, VD: “Cháu hãy	<b>*3,4,5 tuổi:</b> - Nghe hiểu nội	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản	2,4,6,9	

		lấy quả bóng ném vào rổ”	dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.			
		Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi, đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc	1,3,5,7	
		Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	* <b>4,5 tuổi:</b>	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.	1,3,5,7,9	
102	3	<i>Trẻ nghe hiểu và trò chuyện về bình đẳng giới.</i>	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	Trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể làm cùng 1 nhiệm vụ giống nhau. - Nam giới và phụ nữ đều có thể làm cùng 1 công việc xã hội như nhau.	2	
103	4	Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, VD: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”		- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.	2,4,6,9	
		Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...		- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.	1,3,5,7	
		Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.			1,3,5,7,9	
104		Trẻ nghe hiểu và trò chuyện về bình đẳng giới.		- Trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể làm cùng 1 nhiệm vụ giống nhau. - Nam giới và phụ nữ đều có thể làm cùng 1 công việc xã hội như nhau.	2	
105	5	Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong		Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu	2,4,6,9	

		hoạt động tập thể,		liên tiếp. VD: “Các bạn mặc áo màu đỏ đứng sang bên phải, các bạn mặc áo màu xanh đứng sang bên trái...”		
		Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng GD, đồ dùng học tập...).		- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa. - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu về phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng GD, đồ dùng học tập...). Sử dụng các từ chỉ tính chất đặc điểm của một số phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng GD, đồ dùng học tập...).	1,3,5,7	
		Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.		Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	1,3,5,7,9	
<b>106</b>	<b>5</b>	Trẻ nghe hiểu và trò chuyện về bình đẳng giới.	- Trẻ em trai và trẻ em gái đều có thể làm cùng 1 nhiệm vụ giống nhau. - Nam giới và phụ nữ đều có thể làm cùng 1 công việc xã hội như nhau.		2	
<b>107</b>	<b>3</b>	Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	* 3,4 T: Trả lời và đặt các câu hỏi: "Ai?"; "Cái gì?"; "Ở đâu?"; "Khi nào?". * 4,5T:	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng	3,4,7,8,9	
<b>108</b>	<b>4</b>	Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	* 4,5T:	- Trả lời và đặt các câu hỏi: "Để làm gì?".		
<b>109</b>	<b>5</b>		- Nghe hiểu	- Trả lời và đặt các		

		Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại	nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: "Tại sao?"; "Có gì giống nhau?"; "Có gì khác nhau?"; "Do đâu mà có?". - Đặt các câu hỏi: "Tại sao?"; "Như thế nào?"; "Làm bằng gì?".		
<b>2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày</b>						
<b>110</b>	<b>3</b>	Trẻ nói rõ các tiếng	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt. ( <i>Phát âm các từ tiếng mẹ đẻ của trẻ</i> ).	2,4,7,9		
		Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? - Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ dân tộc.	2,4,5,7,9		
		Trẻ sử dụng được câu đơn, câu ghép	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	2,4,5,7,9		
<b>111</b>	<b>4</b>	Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	2,4,5,7,9		
		- Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... - Trẻ biết sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng Tiếng Việt trong giao tiếp hàng ngày	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? Cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?.. - Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ dân tộc	2,4,5,7,9		
		Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.		2,4,5,7,9		
<b>112</b>	<b>5</b>	Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Kể lại sự việc theo trình tự.	2,4,5,7,9		

		<p>Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh.</p> <p>- Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.</p>	<p>- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.</p> <p>- Tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc.</p>	2,4,5,7,9	
		<p>Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh ...</p>	<p>- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.</p> <p>- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?</p> <p>- Đặt các câu hỏi: "tại sao?", "như thế nào?", "làm bằng gì?"</p>	2,4,5,7,9	
113	3	<p>Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã ra của bản thân như: Đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim...</p>	<p>- Kể lại sự việc</p>		
114	4	<p>Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự.</p>	<p>- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết</p>	5,6,8,9	
115	5	<p>Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật.</p>	<p>- Kể lại sự việc theo trình tự.</p>		
116	3	<p>Trẻ đọc thuộc bài thơ, cao dao, đồng dao...</p>			
117	4				
118	5	<p>Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.</p>	<p>- Đọc thơ, cao dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.</p>	1->9	
		<p>Trẻ biết đọc diễn</p>			

		cảm bài thơ, cao dao, đồng dao..			
119	3	Trẻ biết kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết truyện đã được nghe.	7,8,9	
		Trẻ biết bắt trước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên		
120	4	Trẻ biết kể lại truyện có mở đầu và kết thúc. Trẻ biết bắt trước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	- Kể lại truyện đã được nghe.  Đóng kịch		
121	5	Trẻ biết kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự nhất định	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.	7,8,9	
		Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện.	- Kể chuyện sáng tạo	9	
122	3	Trẻ biết sử dụng các từ: “Vâng ạ”, “Dạ”, “Thưa” trong giao tiếp.	*3,4,5 tuổi:  - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép	1,2,4
		Trẻ biết nói đủ nghe không nói lí nhí.		- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	
123	4	Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.		- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	1,2,4
		Trẻ biết điều chỉnh		- Nói và thể hiện	



		giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.		cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.		
124	5	Trẻ biết sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống		- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng	1,2,4	
		Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.		- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.		

### 3. Làm quen với việc đọc - viết

125	3	Trẻ đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	* 3,4,5T: - Xem và đọc các loại sách khác nhau ở góc thư viện.	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem sách và đọc truyện. - Giữ gìn sách.	1,5,7,9	
126		Trẻ thích vẽ, "Viết" nguệch ngoạc.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt ở góc thư viện:	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện		
127	4	Trẻ biết chọn sách để xem.	+ Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới ở góc thư viện.		1,5,7,9	
		Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. "Đọc" sách theo tranh minh họa ("Đọc vẹt")	+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu			
128		Trẻ biết sử dụng ký hiệu để "Viết"; tên làm vé tàu, thiệp chúc mừng				
129	4	Trẻ nhận dạng và làm quen 10 -15 chữ trong bảng chữ cái TV	* 4,5 tuổi: - Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Giữ gìn, bảo vệ sách.	Nhận dạng một số chữ cái - Nhận dạng 10-15 chữ cái	1->9	
130	5	Trẻ biết chọn được sách để "đọc" và xem	- "Đọc" truyện qua các tranh		1,5,7,9	

131		Trẻ biết cách "đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách. - Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách	vẽ ở góc thư viện. - Phân biệt phần mở đầu kết thúc của sách.		
132		Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.		- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	7
133		Trẻ nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt.		- Nhận dạng các chữ cái	1->9
134	3	Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật hiện tượng tranh ảnh có sự giúp đỡ		
135	4	Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.		4,5,6, 8,9
136	5	Trẻ biết kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Kể truyện theo đồ vật, theo tranh.		
137	4	Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	* 3,4,5T: Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra vào, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)		
138	5	Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm, lối ra-vào, biển báo giao thông...			1,7
<b>IV. Lĩnh vực phát triển tình cảm kỹ năng xã hội</b>					
<b>1. Thể hiện ý thức bản thân</b>					

139	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính.	2,3	
		Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.	2	
140	4	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân; tên bố, mẹ.	2,3	
		Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân.	2	
141	5	Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	2,3	
		Trẻ nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được	- Sở thích, khả năng của bản thân - Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...) - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.	2	
		Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác	2	
142	5	Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.	3	
		Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.	3	
<b>2. Thể hiện sự tự tin tự lực</b>					
143	3	Trẻ mạnh dạn tham	- Mạnh dạn tham gia vào các	1,2	

		gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.		
		Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Cố gắng hoàn thành công việc đơn giản được giao.		
144	4	Trẻ biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	- Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	1,2	
		Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	- Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).		
145	5	Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.	1,2	
		Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).		
<b>3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh</b>					
146	3	Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	2,7	
		- Trẻ biết bộc lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.		
147	4	Trẻ nhận biết cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.	2,7	
		Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.		
		Trẻ nhận biết một	- Nhận biết một số trạng thái	2,7	

148	5	số trạng thái cảm xúc : vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ... qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.		
		Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. Biết kiểm soát cảm xúc bản thân	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.		
149		Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	3	
150	3	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.			
		Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.			
151	4	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ	9	
		Trẻ thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ. - Thể hiện được tình cảm kính yêu Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ		
152	5	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc...).			
		Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác			

		Hồ.			
153	4	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	* 3,4,5T: - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước: Cánh đồng lúa, đồi cao su. Đồi A1, tượng đài, hầm đờ cát...lễ hội (lễ hội hoa ban)	- Quan tâm đến di tích lịch sử, của quê hương, đất nước. Đồi A1, Hầm Đờ Cát, Lễ hội Hoa Ban, Lễ hội Đền Hoàng Công Chất, Bia tưởng niệm anh hùng liệt sĩ Bé Văn Đàn tại xã Mường Pôn,	9
154	5	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (Trang phục, món ăn..) của quê hương, đất nước			
<b>4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội</b>					
155	3	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ) - Yêu mến, bố mẹ, anh chị, em ruột.		1,3,6,7
156	4	Trẻ biết thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.		
157	5	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn			

		nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.			
158	3	Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (Chào hỏi, cảm ơn).	1,2,3	
159	4	Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	- Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.		
160	5	Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	- Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép, lịch sự.		
161	3	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói	- Lắng nghe ý kiến của người khác	1,2,4,9	Bỏ 9
162	4	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói			
163	5	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.			
164	3	Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	- Nhận biết hành vi "đúng" - "Sai"; "Tốt" - "Xấu". - Chơi hòa thuận với bạn. - Chờ đến lượt	4,5,8	
165	4	Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn cùng thực hiện hoạt động chung (Chơi, trực nhật...)	- Hợp tác với bạn - Quan tâm giúp đỡ bạn.		
166	5	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.( Giúp đỡ bạn khi bạn bị ngã, chia đồ chơi cho bạn)		
167	4	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt, hợp tác (Xếp hàng rửa tay, đi vệ sinh) - Phân biệt hành vi "đúng"-"sai", "tốt" - "xấu".	1, 4	
168	5	Trẻ biết chờ đến lượt.	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "Sai"; "Tốt" - "Xấu".	1,4	

169		Trẻ biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn (Dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn). Khoan dung, đoàn kết	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép lịch sự	1,4	
<b>5. Quan tâm đến môi trường</b>					
170	3	Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.	5,6	
171	4	Trẻ thích chăm sóc cây, con vật quen thuộc.			
172	5				
173	4	Trẻ không bẻ cành, ngắt hoa.			
174	5	Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn vệ sinh môi trường (không vứt rác bừa bãi, bẻ cành, ngắt hoa..).	- Giữ gìn vệ sinh môi trường (Bỏ rác đúng nơi quy định, không bẻ cành, ngắt lá)	6	
175	3	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường <i>bản làng, trường lớp, không đốt gia súc, gia cầm ở gầm sàn.</i>	1,3,6	
176	4				
177	5				
178	4	Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng	* 3,4,5T: - Tiết kiệm điện, nước: (Biết khoá vòi nước khi dùng xong, biết tắt quạt tắt điện khi hết giờ học)	8	
179	5	Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.			
180		Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân	- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.	7	
<b>V. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ</b>					



<b>1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp thiên nhiên cuộc sống và các TPNT</b>					
<b>181</b>	<b>3</b>	Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	6,8	
		Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.		1->9	
		Trẻ biết vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.		6,8	
<b>182</b>	<b>4</b>	Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật ( <i>dệt thổ cẩm...</i> )	6,8	
		Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát,		1->9	

		<p>bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.</p>		
		<p>Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.</p>		6,8
183	5	<p>Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng</p>	<p>- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật. (<i>dệt thổ cẩm...</i>)</p>	6,8
		<p>Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.</p>		1->9
		<p>Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên</p>		6,8

		cảm xúc của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.				
<b>2. Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và tạo hình</b>						
<b>184</b>	<b>3</b>	Trẻ biết hát tự nhiên, hát được giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. - Nghe các bài hát, bản nhạc ( <i>Nhạc thiếu nhi, dân ca của địa phương</i> ).		1->9	
<b>185</b>	<b>4</b>	Trẻ biết hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.			
<b>186</b>	<b>5</b>	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...				
<b>187</b>	<b>3</b>	Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.			
<b>188</b>	<b>4</b>	Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu bằng dụng cụ âm nhạc sẵn có ở địa phương: đá, ống tre, ống nứa....	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc của dân tộc Thái, Tày, Nùng... nhảy sạp.	1->9	
<b>189</b>		Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái		1->9	

	5	hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	phù hợp với các bài hát, bản nhạc.		
190	3	Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	1->9	
191	4	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.		
192	5	Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.		
193		Trẻ biết vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.		1->9	
194		Trẻ biết xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.		3, 5, 7,8	
195	3	Trẻ biết lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	1,3,4, 5	
196		Trẻ biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.		2,4,7	
197	4	Trẻ biết vẽ phối hợp được các nét xiên, ngang, cong	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/	1->9	

		tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	đường nét.		
198		Trẻ biết xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.		3, 5, 7,8	
199		Trẻ biết làm lốm, dổ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết		1,3,4, 5	
200		Trẻ phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.		2,4,7	
201		Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.		1->9	
202	5	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.	3, 5, 7,8	
203		Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.		1,3,4, 5	
204		Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân		2,4,7	

		đổi.				
205	3	Trẻ nhận xét được các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	6,7		
206	4	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.			
207	5	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.			
<b>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật</b>						
208	3	Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	5,8,9		
209	4	Trẻ biết lựa chọn và thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.			
		Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.			
210	5	Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.			
		Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (Một câu hoặc một đoạn).			
211	3	Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	8		
212	4	Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.		- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	
213	5				- Tìm kiếm, lựa	

				chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.		
<b>214</b>	<b>3</b>	Biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.		1->9	
<b>215</b>	<b>4</b>					
<b>216</b>	<b>5</b>					

## II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian (tháng từ ngày... đến ngày...)	STT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Lễ/hội	Điều chỉnh bổ sung
4 tuần (09/09 đến 4/10/2024)	1	Trường mầm non - Tết trung thu	Trường MN của bé	1 tuần(09/09 - 13/09)	- Ngày khai giảng (thứ 5 ngày 5/9) - Tết trung thu (Thứ 3 ngày 17/9)	Tổ chức toàn trường
			Tết trung thu	1 tuần(16/09 - 20/09)		
			Lớp học của bé	1 tuần(23/09 - 27/09)		
			Đồ dùng đồ chơi của lớp	1 tuần(30/09 - 04/10)		
3 tuần (07/10 đến 25/10)	2	Bản thân	Tôi là ai	1 tuần(07/10 - 11/10)	- Ngày 20/10 vào CN	
			Cơ thể diệu kì của bé	1 tuần(14/10 - 18/10)		
			Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1 tuần(21/10 - 25/10)		
4 tuần (28/10 đến 22/11)	3	Gia đình - Ngày hội của cô giáo	Gia đình của bé	1 tuần(28/10 - 01/11)	- Tổ chức ngày nhà giáo VN vào thứ 4 ngày 20/11	
			Ngôi nhà bé yêu	1 tuần(04/11 - 08/11)		
			Nhu cầu gia đình	1 tuần(11/11 - 15/11)		
			Ngày hội của cô giáo	1 tuần(18/11 - 22/11)		
4 tuần (25/11 đến 20/12)	4	Ngày 22/12 - Bé thích nghề gì?	Nghề xây dựng	1 tuần(25/11 - 29/11)		
			Nghề sản xuất	1 tuần(2/12 - 6/12)		
			Một số nghề truyền thống	1 tuần(09/12 - 13/12)		
			Bé tập làm chú bộ đội	1 tuần(16/12 - 20/12)		
4 tuần (23/12 đến 24/1/2025)	6	Thế giới thực vật - Tết Nguyên đán	Cây xanh	1 tuần(23/12- 27/12)	Tết dương lịch vào thứ 4 ngày 1/1/2025 - Ngày tết nguyên đán	
			Một số loại hoa, quả	1 tuần(30/12 - 3/01/2025)		
			Một số loại rau	1 tuần(06/01 - 10/1)		
			Tổ chức các HĐ trải nghiệm	1 tuần(13/01 - 17/01)		
			Mùa xuân – Tết nguyên đán	1 tuần (20/02 - 24/1)		



			Nghi tết nguyên đán	1 tuần(27/01 - 31/01)		
4 tuần (03/02 đến 28/02/ 2025)	5	Những con vật bé yêu	Động vật nuôi trong Gia đình	1 tuần (03/02 - 7/02/2025)		
			Một số con vật sống trong rừng	1 tuần ( 10/02 – 14/2)		
			Động vật sống dưới nước	1 tuần (17/2-21/2)		
			Côn trùng và chim	1 tuần ( 24/02 – 28/2)		
4 tuần (03/03 đến 28/03)	7	PT và một số quy định giao thông- Ngày hội 8/3	Ngày hội 8/3	1 tuần(03/03 - 7/03)	- Ngày 8/3 vào thứ 7	
			Một số PTGT đường bộ	1 tuần (10/3 - 14/3)		
			Một số quy định giao thông đường bộ	1 tuần (17/3 - 21/3)		
			PTGT đường hàng không	1 tuần (24/3 - 28/3)		
3 tuần (24/03 đến 11/04)	8	Nước và một số HTTN	Nước	1 tuần (31/3 - 04/4)	- Giỗ tổ Hùng vương vào thứ 2 ngày 7/4	
			Một số hiện tượng tự nhiên	1 tuần (07/4 - 11/4)		
			Mùa hè của bé	1 tuần (14/04 - 18/4)		
5 tuần	9	QH- ĐN- BH – Trường TH- Tết thiếu nhi	Quê hương Điện Biên	1 tuần (21/04 - 25/4)	30/04/ 01/05 vào thứ 4, thứ 5 - Ngày quốc tế thiếu nhi 1/6	
			Đất nước	1 tuần (28/4 - 02/5)		
			Bác Hồ của em	1 tuần(05/05-9/05)		
			Trường tiểu học	1 tuần (12/5 - 16/5)		
			Tết thiếu nhi	1 tuần 19/5 – 23/05)		
<b>Tổng</b>				<b>35 tuần</b>		

**P. HIỆU TRƯỞNG**  
(Duyệt)

Mường Pôn, ngày tháng năm 2024  
**NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

**Vũ Thị Sơn Ca**

**Lường Thị Hải**